

Bản án số: 156/2025/DS-PT
Ngày: 09/7/2025
V/v “Đòi tài sản là quyền
sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng
Bà Lê Thị Thu Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Yến Mai - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 185/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2160/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Võ Công T, sinh năm 1966; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

ĐKTT: Số A102 Tổ 3, khu phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là: Số A102 Tổ 3, khu phố 11, phường B, tỉnh Đồng Nai).

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Trần Lương P, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số 609B9 khu phố 3, phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre (nay là: Số 609B9 khu phố 3, phường K, tỉnh Vĩnh Long) - Hội viên Hội Luật gia tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Bà Võ Mai T, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là: Ấp 5, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Nguyễn Hồng G, sinh năm 1969; (có mặt)

3.2. Chị Nguyễn Võ Hồng T, sinh năm 1992; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

3.3. Anh Nguyễn Võ Minh M, sinh năm 1999; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là: Ấp 5, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

* **Người kháng cáo:** Bà Võ Mai T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Võ Công T trình bày:*

Ông và bà Lê Thị C có nhận chuyển nhượng phần đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất diện tích 511m², thửa 4, tờ bản đồ số 26, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) với giá 400.000.000 đồng dưới hình thức kê biên, xử lý tài sản từ hộ bà Võ Mai T và ông Nguyễn Hồng G theo Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 22/QĐ-CCTHA ngày 03/7/2014, Biên bản thoả thuận giá tài sản kê biên, Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 01/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Vĩnh Long). Ngày 03/3/2015, ông và bà C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi nhận chuyển nhượng nhà đất trên, ông đang công tác tại đơn vị (phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, nay là phường B, tỉnh Đồng Nai) nên chưa có nhu cầu sử dụng, trong khi bà Võ Mai T là em ruột ông đang sống trong căn nhà nêu trên nên vào ngày 15/9/2014, ông và bà T có thoả thuận là cho bà T được tiếp tục sử dụng nhà, đất kể trên, đến hết tháng 01/2015 âm lịch bà T phải giao trả lại nhà, đất cho ông. Tuy nhiên, hết thời hạn, bà T không chịu di dời đi nơi khác để trả nhà, đất cho ông dù ông đã nhiều lần yêu cầu. Sau đó, bà C đã chuyển nhượng ½ diện tích thửa đất số 4, tờ bản đồ số 26 (255.5m²) cho ông; ngày 03/4/2017, ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông yêu cầu gia đình bà T (bà T, ông G, chị T, anh M) di dời đi nơi khác để giao trả cho ông phần đất và tài sản trên phần đất diện tích 511m² thửa 4, tờ bản đồ 26, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

* *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Võ Mai T trình bày:*

Bà là em ruột ông Võ Công T. Vào năm 2002, bà và ông T phân chia tài sản của cha mẹ để lại. Ông T được hưởng 01 thửa đất (nay là thửa đất 4, tờ bản đồ 26, diện tích 511m²). Sau đó, ông T và vợ là bà Nguyễn Xuân T bán cho vợ chồng bà thửa đất trên, vào ngày 14/6/2007 Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Mai T và chồng Nguyễn Hồng G đối với thửa đất 4, tờ bản đồ 26, diện tích 511m², tiền mua đất là tiền của vợ chồng bà, không có ai khác đóng góp gì, kể cả 02 con bà là Nguyễn Võ Hồng T và Nguyễn Võ Minh M lúc đó

còn nhỏ, bà còn phải nuôi ăn học. Năm 2012, bà đã dùng thửa đất này thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bạn bà (bà Trần Thị Ph) vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á. Do bà P không trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện, sau khi có bản án của Toà án, Ngân hàng yêu cầu thi hành án phát mãi phần đất này của bà để thu hồi nợ bà P đã vay. Do muốn giữ lại đất gia đình có căn nhà thờ của cha mẹ và có chỗ nơi để gia đình bà tiếp tục sống nên bà và ông T đã thoả thuận là ông T đưa ra 400.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng, bà cũng đồng ý sang tên quyền sử dụng đất qua cho ông T (bởi vì ông T sợ bà bán đất hoặc đem cầm cố vay tiền nữa). Bà có viết một tờ giấy nội dung “*khi nào tôi có tiền 400.000.000 đồng trả ông T thì ông T phải sang tên đất lại cho tôi*”, bà đưa ông T xem và nói ông T ký tên để bà giữ làm bằng chứng về sau nhưng ông T không ký mà xé tờ giấy này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Vĩnh Long). Ông T và bà không có thoả thuận về thời hạn cho bà ở trên đất bao lâu. Thực sự, nếu thời điểm đó, bà bán phần đất này cho người ngoài thì hơn 2.000.000.000 đồng chứ không phải 400.000.000 đồng. Bà chỉ nghĩ ông T bỏ tiền ra để giúp bà giữ đất gia đình và giúp đỡ bà chứ thực tế bà không có bán đất cho ông T. Từ đó đến nay, ông T không có về đất nhà trên để ở mà do vợ chồng bà và 02 con ở. Hiện nay, bà và ông G cùng các con đang ở quản lý, sử dụng đất này, không còn ai khác. Toàn bộ các hoa màu, nhà cửa công trình và vật kiến trúc trên đất đều của bà chứ ông T không có bất cứ tài sản gì trên đất. Bà đã nhận được kết quả đo đạc, định giá và không có ý kiến gì về kết quả đo đạc, định giá, không có yêu cầu đo đạc, định giá lại. Bà không có bán đất cho ông T và ông T cũng không cho bà ở nhờ mà là ông T bỏ tiền ra để trả nợ thay để giữ lại đất cho bà nên nay ông T yêu cầu bà trả nhà đất là bà không đồng ý. Bà đồng ý trả cho ông T số tiền 400.000.000 đồng và một khoản tiền lãi (do hai bên thoả thuận) từ ngày ông T trả nợ cho Ngân hàng Đông Á đến ngày Toà án giải quyết xong vụ án.

Bà không đồng ý với phương án mà ông T đưa ra trước đây là ông T sẽ tách cho bà T 100m² (đất ở) phía cuối đất để bà có nơi ở vì bà thấy không cần thiết. Nếu Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà không nhận giá trị hàng rào, cổng rào và toàn bộ hoa màu trên phần đất mà ông T tự nguyện hỗ trợ, bà cũng không di dời hoặc phá bỏ hàng rào, cổng rào và toàn bộ hoa màu trên phần đất mà để lại cho ông T tiếp tục sử dụng, hưởng huê lợi.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hồng G trình bày:*

Ông là chồng bà T, ông đã sống cùng bà T trên phần đất này hơn 30 năm, ông cũng thống nhất với toàn bộ ý kiến của bà T về nguồn gốc phần đất tranh chấp. Sự việc tranh chấp này do ông T, bà T tự giải quyết, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Võ Hồng T trình bày:*

Chị là con ruột ông Nguyễn Hồng G và bà Võ Mai T. Phần đất đang tranh chấp (thửa 4, tờ 26, diện tích 511m²) là do ông T và vợ là bà Nguyễn Xuân T bán cho cha mẹ chị. Lúc đó chị còn nhỏ, chỉ lo ăn học nên không có đóng góp gì vào việc hình thành tài sản này. Do muốn giữ lại đất gia đình, nhà thờ ông bà nên ông T thay mẹ chị trả nợ cho Ngân hàng Đ chứ mẹ chị không có bán đất. Trong sự việc này chị không có ý kiến yêu cầu gì khác, mọi việc do mẹ chị quyết định. Chị xin vắng mặt tại Toà án các cấp (sơ thẩm, phúc thẩm) và cam kết không khiếu nại về sau.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Võ Minh M không có ý kiến trình bày.*

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long) đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long), tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Công T.

Buộc bà Võ Mai T, ông Nguyễn Hồng G, chị Nguyễn Võ Hồng T, anh Nguyễn Võ Minh M trả cho ông Võ Công T đất và một phần căn nhà trên phần đất có diện tích 511m² thửa số 4, tờ bản đồ 26, tọa lạc xã Bình Thành, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Ông Võ Công T được trọn quyền quản lý, sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên phần đất có diện tích 511m² thửa số 4, tờ bản đồ 26, tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) nêu trên.

(Có hồ sơ đo đạc kèm theo bản án).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/5/2025, bà Võ Mai T có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long), yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Bị đơn bà Võ Mai T trình bày:*

Phần đất tranh chấp bà không có chuyển nhượng cho ông T nên bà đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Lương P trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm vì ông T nhận chuyển nhượng trên cơ sở cơ quan thi hành án kê biên tài sản theo đúng quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng G, anh Nguyễn Võ Minh M trình bày:*

Cơ quan thi hành án thực hiện là không đúng quy định vì những thành viên còn lại trong hộ bà T chưa ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Giấy viết tay thỏa thuận giữa ông T và bà T không còn nên không thể cung cấp cho Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Mai T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Mai T và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Võ Công T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Mai T, ông Nguyễn Hồng G, chị Nguyễn Võ Hồng T, anh Nguyễn Võ Minh M trả lại cho ông phần đất và căn nhà trên đất có diện tích 511m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại xã Bình Thành, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long). Bị đơn bà Võ Mai T không đồng ý vì bà cho rằng ông T bỏ tiền ra trả nợ thay bà để giữ lại đất cho bà nên bà chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền 400.000.000 đồng và khoản tiền lãi (do hai bên thỏa thuận) từ ngày ông T trả nợ cho Ngân hàng đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

[2] Xét thấy, ngày 27/6/2013 Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Vĩnh Long) ban hành Quyết định thi hành án số 881/QĐ-CCTHADS để thi hành Bản án số 03/2013/KDTM-ST ngày 17/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long) có hiệu lực pháp luật, theo đó cho thi hành án đối với bà Trần Thị P, ông Võ Thành N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 353.235.000 đồng và lãi quá hạn với lãi suất 2,4%/tháng từ ngày 18/4/2013 trên số nợ gốc cho đến khi trả hết nợ; nếu ông N, bà P không trả số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất có diện tích 511m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) do Ủy ban nhân dân

huyện T cấp ngày 14/6/2007 cho hộ bà Võ Mai T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0122/HĐTC ngày 07/5/2012. Do người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án nên ngày 03/7/2014, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Vĩnh Long) ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 22/QĐ-CCTHA để cưỡng chế, kê biên quyền sử dụng đất nêu trên của bà T, ông G, bà M, chị T. Tại buổi kê biên, xử lý tài sản ngày 01/8/2014, bà T (đồng thời đại diện theo ủy quyền của ông G) đồng ý kê biên toàn bộ nhà, đất để đảm bảo thi hành án, đồng ý thỏa thuận giá tài sản sau khi kê biên là 400.000.000 đồng và bán cho ông Võ Công T (anh bà T), bà Lê Thị C. Chấp hành viên có lập Biên bản giải quyết việc thi hành án cùng ngày 01/8/2014, có chữ ký tên của bà T. Ngày 08/9/2014, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Vĩnh Long) ban hành Thông báo về việc giao tài sản là nhà và quyền sử dụng đất số 355/TB-THA, thông báo bà T phải giao tài sản cho ông T, bà C, nếu không tự nguyện giao tài sản sẽ bị cưỡng chế theo quy định pháp luật, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Đồng thời, theo Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 15/9/2014 cũng thể hiện ông T, bà C đã nộp tiền xong; về thời gian giao nhà ông T, bà C đồng ý cho bà T tạm ở lại đến hết tháng 01/2015 âm lịch.

Như vậy, ông T, bà C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà thông qua việc thỏa thuận mua tài sản kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án. Ông T, bà C đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/3/2015 theo quy định pháp luật. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 02/3/2017, bà C chuyển nhượng cho ông T $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 4, tờ bản đồ số 26 (255.5m²). Ngày 03/4/2017, ông T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 511m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Bà T không chứng minh được có việc bà và ông T thỏa thuận ông T nhận chuyển nhượng tài sản kê biên để trả nợ thay cho bà, khi nào bà có tiền trả cho ông T thì ông T trả nhà, đất lại cho bà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Mai T, giữ

nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long).

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Mai T.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long). Cụ thể:

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Công T.

Buộc bà Võ Mai T, ông Nguyễn Hồng G, chị Nguyễn Võ Hồng T, anh Nguyễn Võ Minh M trả cho ông Võ Công T đất và một phần căn nhà trên phần đất có diện tích 511m², thửa số 4, tờ bản đồ 26, tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Ông Võ Công T được trọn quyền quản lý, sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên phần đất có diện tích 511m² thửa số 4, tờ bản đồ 26, tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) nêu trên.

(Có hồ sơ đo đạc kèm theo bản án).

2. Về chi phí tố tụng: Bà Võ Mai T phải trả lại cho ông Võ Công T số tiền 6.627.000đ (Sáu triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự :

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại cho ông Võ Công T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007538 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Vĩnh Long).

- Bà Võ Mai T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Mai T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010750 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- TAND huyện T (nay là
TAND khu vực 7 – Vĩnh Long (1b);
- Chi cục THADS huyện T (nay là Phòng
Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Vĩnh Long (1b);
- Phòng GD, KT, TT và THA; VP (3b);
- Các đương sự (5b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt